

Bài 65 BIỂU ĐỒ TRANH (2 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

Kiến thức, kĩ năng

- Nhận biết được biểu đồ tranh (biểu thị số liệu kiểm đếm bằng hình ảnh hoặc tranh vẽ theo cột hoặc hàng theo yêu cầu của việc kiểm đếm).
- Đọc và mô tả được các số liệu trên biểu đồ tranh.
- Nêu được một số nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh.

Phát triển năng lực

- Qua hoạt động khám phá, giải quyết tình huống (phân loại, kiểm đếm số ô tô theo màu với các kiểu dáng, vị trí khác nhau), HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học.
- Qua sơ đồ, bảng biểu dạng biểu đồ tranh, thảo luận, diễn đạt, mô tả, đọc, nhận xét số liệu trên biểu đồ tranh, HS phát triển năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giao tiếp toán học.

II CHUẨN BỊ

Phóng to tranh và biểu đồ tranh trong SGK. Có thể sử dụng công nghệ thông tin để lập biểu đồ tranh (di chuyển các ô tô từ tranh vào các cột trong bảng tương ứng ở biểu đồ tranh).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Lưu ý chung: Ở mỗi tiết học của bài học, GV nên tổ chức dạy học theo các bước:

Khởi động → Thực hiện hình thức dạy học phù hợp → Củng cố

Tiết 1. Biểu đồ tranh

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Giúp HS nhận biết được biểu đồ tranh; mô tả, đọc số liệu trong biểu đồ, từ đó nhận xét, trả lời các câu hỏi liên quan đến biểu đồ tranh.

1. Khám phá

- GV nêu tình huống bài toán: “Các ô tô có nhiều màu khác nhau, đặt ở vị trí (xuôi, ngược) khác nhau, có kiểu dáng khác nhau. Em hãy tìm cách đếm xem ô tô màu nào có nhiều nhất.”
- GV giới thiệu: “Có thể có các cách khác nhau. Mai đã sắp xếp các ô tô theo mỗi màu riêng biệt vào một cột như hình trong SGK, rồi đếm được ô tô màu đỏ có nhiều nhất.”
- HS đếm rồi so sánh số ô tô hoặc mô tả trên hình vẽ thấy cột ô tô màu đỏ cao nhất.
- GV giới thiệu: “Hình vẽ như ở SGK được gọi là biểu đồ tranh”.
- GV cho HS mô tả biểu đồ tranh: “Đây là biểu đồ biểu thị số ô tô theo màu. Cột thứ nhất là các ô tô màu vàng, cột thứ hai là các ô tô màu xanh, cột thứ ba là các ô tô màu đỏ”. Từ đó, HS đọc biểu đồ và nêu được:
 - a) Ô tô màu đỏ có nhiều nhất;
 - b) Số ô tô màu vàng bằng số ô tô màu xanh.

2. Hoạt động

Bài 1: Yêu cầu HS nhận biết được đây là biểu đồ tranh (tương tự ở khám phá).

– Mô tả:

+ Biểu đồ tranh này biểu thị số hình mà bạn Việt cắt được.

+ Cột thứ nhất là các hình vuông, cột thứ hai là các hình tròn, cột thứ ba là các hình tam giác, cột thứ tư là các hình chữ nhật.

– Đọc biểu đồ rồi trả lời được:

a) Có 6 hình vuông, 8 hình tròn, 4 hình tam giác, 5 hình chữ nhật;

b) Hình tròn có nhiều nhất, hình tam giác có ít nhất. (Nhận biết qua so sánh số hoặc qua hình ảnh cao thấp ở mỗi cột.)

– Tùy điều kiện, GV có thể hỏi thêm: “Tất cả có bao nhiêu hình? Hai hình nào có tổng số các hình là 10? Hai hình nào có hiệu số các hình là 3?...”.

Bài 2: Tương tự bài 1, yêu cầu HS nhận biết đây là biểu đồ tranh; quan sát, đọc, mô tả biểu đồ tranh. Từ đó HS trả lời được các câu hỏi của bài toán.

– Yêu cầu HS nhằm tính kết quả hoặc căn cứ mô tả biểu đồ tranh để trả lời câu hỏi. Chưa yêu cầu câu b, câu c như giải bài toán có lời văn. Chẳng hạn:

+ Câu a: Có 6 bông hoa hồng, 4 bông hoa cúc, 10 bông hoa đồng tiền.

+ Câu b: Hoa hồng và hoa cúc có 10 bông (nhắm: $6 + 4 = 10$), thêm 10 bông hoa đồng tiền, có tất cả 20 bông hoa (hoặc tính $6 + 4 + 10 = 20$).

+ Câu c: GV có thể hướng dẫn HS nhận xét hoa hồng nhiều hơn hoa cúc 2 bông (qua so sánh hai hàng hoa “dài, ngắn” khác nhau 2 bông) hoặc có thể tính $6 - 4 = 2$.

– GV có thể khai thác thêm câu hỏi để HS đọc biểu đồ rồi trả lời.

– GV giới thiệu để HS nhận biết sự khác nhau của dạng biểu đồ tranh ở bài 1 và bài 2 (bài 1 biểu thị số hình theo cột dọc, bài 2 biểu thị số bông hoa đã nở theo hàng ngang).

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 2. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Củng cố nhận biết, đọc, mô tả, nhận xét (đơn giản) số liệu của biểu đồ tranh; biết biểu thị các con vật, đồ vật theo đơn vị khác nhau như chấm tròn, bó que tính,... khi kiểm đếm số liệu dựa vào biểu đồ tranh.

Bài 1: Yêu cầu HS mô tả, đọc, nhận xét số liệu của biểu đồ tranh rồi trả lời các câu hỏi của bài toán, chẳng hạn:

- a) Có 6 con búp bê, 4 con gấu bông, 6 con sóc bông;
- b) Số búp bê bằng số sóc bông;

GV có thể hỏi thêm những câu hỏi khác để HS trả lời từ biểu đồ tranh này. Chẳng hạn: “Phải thêm mấy gấu bông để số búp bê và số gấu bông bằng nhau?”, “Số thú bông nhiều hơn số búp bê là bao nhiêu con?”.

Bài 2:

– Trước hết, GV cho HS biết điểm mới trong biểu đồ tranh này là mỗi con vật (gà, ngỗng hay vịt) được biểu thị là một chấm tròn. Do đó, số gà, số vịt, số ngỗng cùng được biểu thị bằng các chấm tròn. Từ đó, yêu cầu HS đếm số chấm tròn ở mỗi cột, mô tả, nhận xét các chấm tròn (biểu thị các con vật) trong biểu đồ, rồi trả lời các câu hỏi. Chẳng hạn:

- a) Gà có nhiều nhất, ngỗng có ít nhất (HS có thể so sánh số chấm tròn tương ứng 1 – 1 ngay trên biểu đồ);
- b) Có 8 con gà, 5 con ngỗng và 6 con vịt (HS đếm số chấm tròn ở mỗi cột);
- c) Gà nhiều hơn ngỗng 3 con, ngỗng ít hơn vịt 1 con (HS có thể dùng so sánh số chấm tròn hoặc mô tả so sánh 1 – 1 trên biểu đồ).

– GV có thể đặt thêm câu hỏi khác để HS trả lời (nếu cần).

Bài 3: Yêu cầu thực hiện tương tự bài 2 (số que tính được biểu thị theo các bó 1 chục que tính) rồi trả lời các câu a và b, chẳng hạn:

- + Câu a: Hộp A có 40 que tính (4 bó), hộp B có 80 que tính (8 bó), hộp C có 60 que tính (6 bó);
- + Câu b: Hộp B có nhiều que tính nhất, hộp A có ít que tính nhất.

– GV có thể đặt thêm câu hỏi để HS trả lời, chẳng hạn: “Hộp A và C có tất cả bao nhiêu que tính?”.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).